

LỊCH VẠN SỰ

XEMNGAY.COM



LỊCH VẠN SỰ
ĐẦU XUÂN KỶ SỬU – 2009

THEO “NGỌC HẠP THÔNG THU” TRIỀU NGUYỄN”



ĐÀ NẴNG, 1/2009

Thứ 2, 26/01/2009

01/01/2009(AL)- ngày: **Tân mùi**, tháng: **Bính dần**, năm: **Kỷ Sửu**

Là ngày: **Ngọc Đường Hoàng Đạo** Trực: **Phá**

Nạp âm: Lộ Bàng Thổ hành: Thổ Thuộc mùa:

Nhị thập bát tú: Sao: Trương Thuộc: Thái âm Con vật: Hươu

Đánh giá chung: **(3) - Cực tốt**

Bảng tốt xấu theo từng việc:

Tốt đối với	Hơi tốt	Hạn chế làm	Không nên
	An táng, mai táng Tế tự, tế lễ	Xây dựng Làm nhà, sửa nhà	

Hướng xuất hành	Giờ hoàng đạo	Tuổi bị xung khắc	
<i>Tài thần:</i> Tây Nam <i>Hỷ thần:</i> Tây Nam <i>Hạc thần:</i> Tây Nam	Dần (3-5) Mão (5-7) Tỵ (9-11) Thân (15-17) Tuất (19-21) Hợi (21-23)	Xung khắc với ngày Đinh Sửu Ất Dậu Quý Sửu Ất Mão	Xung khắc với tháng Giáp thân Nhâm thìn Nhâm dần Nhâm tuất

Các sao tốt	Các sao xấu
Nhân chuyên, Nguyệt đức hợp* , Thiên thanh* , Kính tâm, Ngọc đường*	Kim thần thất sát (năm), Thiên ôn

Thứ 3, 27/01/2009

02/01/2009(AL)- ngày: **Nhâm thân**, tháng: **Bính dần**, năm: **Kỷ Sửu**

Là ngày: **Thiên Lao Hắc Đạo** Trực: **Nguy**

Nạp âm: Kiếm Phong Kim hành: Kim Thuộc mùa: Thu

Nhị thập bát tú: Sao: Dực Thuộc: Hoả Con vật: Rắn

Đánh giá chung: **(2) - Quá tốt**

Bảng tốt xấu theo từng việc:

Tốt đối với	Hơi tốt	Hạn chế làm	Không nên
Xuất hành, di chuyển	Hôn thú, giá thú Tế tự, tế lễ Tổ tụng, giải oan Làm việc thiện, làm phúc	Giao dịch, ký hợp đồng	

Hướng xuất hành	Giờ hoàng đạo	Tuổi bị xung khắc	
<i>Tài thần:</i> Tây <i>Hỷ thần:</i> Nam <i>Hạc thần:</i> Tây Nam	Tỵ (23-1) Sửu (1-3) Thìn (7-9) Tỵ (9-11) Mùi (13-15) Tuất (19-21)	Xung khắc với ngày Bính dần Canh dần Bính thân	Xung khắc với tháng Giáp thân Nhâm thìn Nhâm dần Nhâm tuất

Các sao tốt	Các sao xấu
Thiên ân, Thiên đức hợp* , Nguyệt không, Minh tinh, Giai thần, Phổ hộ, Dịch mã*	Tiểu không vong, Nguyệt phá

Thứ 4, 28/01/2009

03/01/2009(AL)- ngày: **Quý dậu**, tháng: **Bính dần**, năm: **Kỷ Sửu**

Là ngày: **Nguyễn Vũ Hắc Đạo** Trực: **Thành**

Nạp âm: Kiếm Phong Kim hành: Kim Thuộc mùa: Thu

Nhị thập bát tú: Sao: **Chấn** Thuộc: **Thủy** Con vật: **Giun**

Đánh giá chung: **(0) - Bình thường**

Bảng tốt xấu theo từng việc:

Tốt đôi với	Hơi tốt	Hạn chế làm	Không nên
		Hôn thú, giá thú Khai trương An táng, mai táng Giao dịch, ký hợp đồng	

Hướng xuất hành	Giờ hoàng đạo	Tuổi bị xung khắc	
<i>Tài thần:</i> Tây <i>Hỷ thần:</i> Đông Nam <i>Hạc thần:</i> Tây Nam	Tý (23-1) Dần (3-5) Mão (5-7) Ngọ (11-13) Mùi (13-15) Dậu (17-19)	Xung khắc với ngày Đinh mão Tân mão Đinh dậu	Xung khắc với tháng Giáp thân Nhâm thìn Nhâm dần Nhâm tuất

Các sao tốt	Các sao xấu
Cát khánh, Âm đức	Xích khẩu, Tam nường* , Thiên lại, Hoang vu, Nhân cách, Huyền vũ, Ly sàng

Thứ 5, 29/01/2009

04/01/2009(AL)- ngày: **Giáp tuất**, tháng: **Bính dần**, năm: **Kỷ Sửu**

Là ngày: **Tư Mệnh Hoàng Đạo** Trực: **Thu**

Nạp âm: Sơn Đầu Hỏa hành: Hỏa Thuộc mùa: Hạ

Nhị thập bát tú: Sao: **Giác** Thuộc: **Mộc** Con vật: **Giao long**

Đánh giá chung: **(3) - Cực tốt**

Bảng tốt xấu theo từng việc:

Tốt đôi với	Hơi tốt	Hạn chế làm	Không nên
		Tế tự, tế lễ Xuất hành, di chuyển	Hôn thú, giá thú Xây dựng Làm nhà, sửa nhà An táng, mai táng

Hướng xuất hành	Giờ hoàng đạo	Tuổi bị xung khắc	
<i>Tài thần:</i> Đông Nam <i>Hỷ thần:</i> Đông bắc <i>Hạc thần:</i> Tây Nam	Dần (3-5) Thìn (7-9) Tý (9-11) Thân (15-17) Dậu (17-19) Hợi (21-23)	Xung khắc với ngày Canh thìn* Nhâm thìn Canh tuất	Xung khắc với tháng Giáp thân Nhâm thìn Nhâm dần Nhâm tuất

Các sao tốt	Các sao xấu
Thiên hỷ, Thiên quý* , Thiên quan, Tam hợp* , Hoàng ân*	Hoà tinh, Kim thần thất sát (trực), Thụ tử* , Nguyệt yếm đại họa, Trùng tang* , Cô thần, Thổ cấm, Âm thác, Dương thác, Quỷ khóc

Thứ 6, 30/01/2009

05/01/2009(AL)- ngày: **Ất Hợi**, tháng: **Bính dần**, năm: **Kỷ Sửu**

Là ngày: **Câu Trận Hắc Đạo** Trực: **Khai**

Nạp âm: Sơn Đầu Hỏa hành: Hoả Thuộc mùa: Hạ

Nhị thập bát tú: Sao: **Cang** Thuộc: Kim Con vật: Rồng

Đánh giá chung: **(3) - Cực tốt**

Bảng tốt xấu theo từng việc:

Tốt đối với	Hơi tốt	Hạn chế làm	Không nên
	Khai trương Tế tự, tế lễ Cầu tài, cầu lộc		Hôn thú, giá thú Xây dựng Làm nhà, sửa nhà An táng, mai táng Xuất hành, di chuyển

Hướng xuất hành	Giờ hoàng đạo	Tuổi bị xung khắc	
Tài thần: Đông Nam Hỷ thần: Tây Bắc Hạc thần: Tây Nam	Sửu (1-3) Thìn (7-9) Ngọ (11-13) Mùi (13-15) Tuất (19-21) Hợi (21-23)	Xung khắc với ngày Tân tỵ* Quý tỵ Tân hợi	Xung khắc với tháng Giáp thân Nhâm thìn Nhâm dần Nhâm tuất

Các sao tốt	Các sao xấu

Thứ 7, 31/01/2009

06/01/2009(AL)- ngày: **Bính tỵ**, tháng: **Bính dần**, năm: **Kỷ Sửu**

Là ngày: **Thanh Long Hoàng Đạo** Trực: **Bế**

Nạp âm: Giản Hạ Thủy hành: Thủy Thuộc mùa: Đông

Nhị thập bát tú: Sao: **Đê** Thuộc: Thổ Con vật: Lạc

Đánh giá chung: **(3) - Cực tốt**

Bảng tốt xấu theo từng việc:

Tốt đối với	Hơi tốt	Hạn chế làm	Không nên
	Khai trương Cầu tài, cầu lộc	Xuất hành, di chuyển Giao dịch, ký hợp đồng	

Hướng xuất hành	Giờ hoàng đạo	Tuổi bị xung khắc	
Tài thần: Đông Hỷ thần: Tây Nam Hạc thần: Tây Nam	Tý (23-1) Sửu (1-3) Mão (5-7) Ngọ (11-13) Thân (15-17) Dậu (17-19)	Xung khắc với ngày Canh ngọ* Mậu ngọ	Xung khắc với tháng Giáp thân Nhâm thìn Nhâm dần Nhâm tuất

Các sao tốt	Các sao xấu
Sát cồng, Nguyệt đức* , Sinh khí, Nguyệt ân* , Ích hậu, Mẫu thương, Đại hồng sa, Thanh long*	Đại không vong, Thiên ngục, Thiên hoả, Phi ma sát, Lỗ Ban sát

Chủ nhật, 01/02/2009

07/01/2009(AL)- ngày: **Đinh Sửu**, tháng: **Bính dần**, năm: **Kỷ Sửu**

Là ngày: **Minh Đường Hoàng Đạo** Trực: **Kiến**

Nạp âm: Giản Hạ Thủy hành: Thủy Thuộc mùa: Đông

Nhị thập bát tú: Sao: **Phòng** Thuộc: **Thái dương** Con vật: **Thỏ**

Đánh giá chung: **(2) - Quá tốt**

Bảng tốt xấu theo từng việc:

Tốt đối với	Hơi tốt	Hạn chế làm	Không nên
		Hôn thú, giá thú Xây dựng Làm nhà, sửa nhà Khai trương An táng, mai táng Động thổ Xuất hành, di chuyển Giao dịch, ký hợp đồng	

Hướng xuất hành	Giờ hoàng đạo	Tuổi bị xung khắc	
Tài thần: Đông Hỷ thần: Nam Hạc thần: Tây	Dần (3-5) Mão (5-7) Tý (9-11) Thân (15-17) Tuất (19-21) Hợi (21-23)	Xung khắc với ngày Tân mùi Kỷ mùi	Xung khắc với tháng Giáp thân Nhâm thìn Nhâm dần Nhâm tuất

Các sao tốt	Các sao xấu
Trực tinh, Thiên đức* , Tuế hợp, Tục thế, Đại hồng sa, Minh đường*	Cửu thổ quỷ, Tam nường* , Hoang vu, Địa tặc, Hoả tai, Nguyệt hự, Tứ thời cô quả

Thứ 2, 02/02/2009

08/01/2009(AL)- ngày: **Mậu dần**, tháng: **Bính dần**, năm: **Kỷ Sửu**

Là ngày: **Thiên Hình Hắc Đạo** Trực: **Trừ**

Nạp âm: Thành Đầu Thổ hành: Thổ Thuộc mùa:

Nhị thập bát tú: Sao: **Tâm** Thuộc: **Thái âm** Con vật: **Hổ**

Đánh giá chung: **(0) - Bình thường**

Bảng tốt xấu theo từng việc:

Tốt đối với	Hơi tốt	Hạn chế làm	Không nên
Hôn thú, giá thú Tế tự, tế lễ Tổ tụng, giải oan	Khai trương	Xây dựng Làm nhà, sửa nhà An táng, mai táng Động thổ Xuất hành, di chuyển Giao dịch, ký hợp đồng	

Hướng xuất hành	Giờ hoàng đạo	Tuổi bị xung khắc	
Tài thần: Bắc Hỷ thần: Đông Nam Hạc thần: Tây	Tý (23-1) Sửu (1-3) Thìn (7-9) Tý (9-11) Mùi (13-15) Tuất (19-21)	Xung khắc với ngày Giáp thân Canh thân	Xung khắc với tháng Giáp thân Nhâm thìn Nhâm dần Nhâm tuất

Các sao tốt	Các sao xấu
Thiên Thụy, Thiên xá* , Phúc sinh, Mãn đức tinh, Yêu yên* , Phúc hậu	Ly Sào, Thổ phủ, Lục bất thành, Vãng vong, Lôi công, Dương thác

Thứ 3, 03/02/2009

09/01/2009(AL)- ngày: **Kỷ mao**, tháng: **Bính dần**, năm: **Kỷ sửu**

Là ngày: **Chu Tước Hắc Đạo** Trực: **Mãn**

Nạp âm: Thành Đầu Thổ hành: Thổ Thuộc mùa:

Nhị thập bát tú: Sao: **Vĩ** Thuộc: Hoà Con vật: Hổ

Đánh giá chung: **(0) - Bình thường**

Bảng tốt xấu theo từng việc:

Tốt đôi với	Hơi tốt	Hạn chế làm	Không nên
		Hôn thú, giá thú Khai trương Động thổ Giao dịch, ký hợp đồng	

Hướng xuất hành	Giờ hoàng đạo	Tuổi bị xung khắc	
Tài thần: Nam Hỷ thần: Đông bắc Hạc thần: Tây	Tý (23-1) Dần (3-5) Mão (5-7) Ngọ (11-13) Mùi (13-15) Dậu (17-19)	Xung khắc với ngày Ất dậu Tân dậu	Xung khắc với tháng Giáp thân Nhâm thìn Nhâm dần Nhâm tuất

Các sao tốt	Các sao xấu
Thiên ân, Thiên Thụy, Thiên phúc	Xích khẩu, Chu tước hắc đạo, Nguyệt kiến chuyển sát

Thứ 4, 04/02/2009

10/01/2009(AL)- ngày: **Canh thìn**, tháng: **Bính dần**, năm: **Kỷ sửu**

Là ngày: **Kim Quỹ Hoàng Đạo** Trực: **Mãn**

Nạp âm: Bạch Lạp Kim hành: Kim Thuộc mùa: Thu

Nhị thập bát tú: Sao: **Cơ** Thuộc: Thủy Con vật: Báo

Đánh giá chung: **(0) - Bình thường**

Bảng tốt xấu theo từng việc:

Tốt đôi với	Hơi tốt	Hạn chế làm	Không nên
	Cầu tài, cầu lộc	Hôn thú, giá thú Xây dựng Làm nhà, sửa nhà An táng, mai táng Tế tự, tế lễ Động thổ Xuất hành, di chuyển	

Hướng xuất hành	Giờ hoàng đạo	Tuổi bị xung khắc	
Tài thần: Tây Nam Hỷ thần: Tây Bắc Hạc thần: Tây	Dần (3-5) Thìn (7-9) Tý (9-11) Thân (15-17) Dậu (17-19) Hợi (21-23)	Xung khắc với ngày Giáp tuất* Mậu tuất Giáp thìn	Xung khắc với tháng Giáp thân Nhâm thìn Nhâm dần Nhâm tuất

Các sao tốt	Các sao xấu
Thiên ân, Nhân chuyên, Thiên phú, Thiên tài, Lộc khố	Tiểu không vong, Thổ ôn, Thiên tặc, Cửu không, Trùng phục, Quả tú, Phù đầu sát, Tam tang, Không phòng, Âm thác

CHÚ THÍCH:

Tài Thần: hướng thần tài (tốt)

Hỷ thần: hướng thần may mắn (tốt)

Hạc thần: hướng ông thần ác (xấu, nên tránh)

Theo cuốn “Ngọc Hạp thông thư” triều Nguyễn, có 4 loại sao chính:

Loại thật tốt (Đại cát) là các sao trong mục sao tốt, có đánh dấu sao (*) bên cạnh; Loại tốt nói chung là các sao được liệt kê trong mục sao tốt; Loại thật xấu (Đại hung) là các sao được đánh dấu sao (*) trong mục sao xấu; loại xấu nói chung là các sao được liệt kê trong mục sao xấu.

Một ngày được coi là tốt nếu như có nhiều sao thật tốt và sao tốt nói chung, ngược lại được xem là ngày xấu. Ý nghĩa các sao tốt xấu chúng tôi liệt kê ra đây để dành cho những người am hiểu về lĩnh vực này tham khảo, khỏi phải tra cứu.

Tuổi xung khắc với ngày tháng: Những người có tuổi liệt kê trong phần tuổi xung khắc là bị xung khắc với ngày hoặc tháng đó. Những tuổi có đánh dấu (*) là những tuổi bị xung khắc cả hàng Can lẫn hàng Chi nên rất xấu.

Ngày giờ Hoàng đạo, hắc đạo: Ngày giờ Hoàng đạo là ngày tốt, ngày giờ Hắc đạo là ngày xấu